TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2025/HS-ST
Ngày 22 - 4 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN huyện Thanh Bình, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Huỳnh Anh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Trần Quang Vinh;

2. Ông: Nguyễn Hoàng Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích, Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Chiến - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 17/2025/TLST-HS ngày 03 tháng 03 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2025/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 4 năm 2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn D (tên gọi khác: Không có), sinh ngày 01/01/1970 tại Đồng Tháp. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: Ấp B, xã A, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K, sinh năm: không rõ (đã chết) và bà Dương Thị M, sinh năm: không rõ (đã chết); gia đình bị cáo: có 08 anh chị em bị cáo là con thứ 7 trong gia đình; vợ: Lê Thị R, sinh năm 1967, con: Có 2 người con, đã thành niên; tiền án: Không; tiền sự: không có. Tạm giữ ngày 17/10/2024 – 20/10/2024 tạm giam: 20/10/2024 , hiện bị cáo đang tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực Thanh Bình; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào cuối tháng 9/2024, bị cáo Nguyễn Văn D quen biết với một người đàn ông (không rõ nhân thân) trên xe khách. Lúc làm quen, bị cáo trình bày mình có hoàn cảnh khó khăn, không nghề nghiệp ổn định để tạo ra thu nhập, nên người đàn ông này nói để giới thiệu việc làm có tiền nhưng không nói rõ làm gì, bị cáo D nhận lời và chỉ địa chỉ nhà cho người đàn ông này.

Khoảng ba đến bốn ngày sau, người đàn ông trên xe khách đến nhà tìm bị cáo D, sau đó D bị cáo đến gặp một người đàn ông khác (cũng không rõ nhân thân) để thoả thuận, thuê bị cáo vận chuyển thuốc lá điếu nhập lậu bằng phương tiện vỏ lãi composite, đi trên sông Tiền từ thành phố Hồng Ngự đến khu vực gần bến đò Doi Lửa thuộc địa phận huyện C, tỉnh G có ghe đậu sẵn để nhận thuốc lá.

Mỗi chuyến vận chuyển tiền công bị cáo nhận được là 800.000 đồng, trả tiền trực tiếp, về cách thức và địa điểm giao nhận thuốc lá khi nào có chuyến hàng thì người đàn ông trên xe khách sẽ hướng D cụ thể. Bị cáo D nhận lời vận chuyển thuốc lá điếu nhập lậu cho 02 người đàn ông trên, trong tháng 10/2024 bị cáo đã vận chuyển tổng cộng 05 lần (không xác định được số lượng thuốc lá từng lần do không kiểm đếm), bị cáo D thu lợi bất chính được số tiền 4.000.000 đồng và sử dụng số tiền này mua chiếc vỏ lãi để làm phương tiện vận chuyển thuốc lá.

Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 16/10/2024, người đàn ông trên xe khách tiếp tục đến nhà tìm bị cáo D để yêu cầu bị cáo đúng 4 giờ 30 phút ngày 17/10/2024, điều khiển vỏ lãi đến khu vực gần bến phà Mương Lớn nhận thuốc lá. Bị cáo D được người đàn ông trên xe khách yêu cầu sau khi nhận thuốc lá xong cứ điều khiển vỏ lãi composite chạy trên sông Tiền hướng về thành phố Cao Lãnh sẽ có người đón nhận. Đúng như giờ hẹn, bị cáo điều khiển vỏ lãi đến khu vực như yêu cầu, khi thấy có ánh đèn pin, biết là dấu hiệu của người giao thuốc lá nên bị cáo điều khiển vỏ lãi vào bờ để nhận thuốc lá. Người giao thuốc lá gồm 03 người đàn ông (không rõ nhân thân). Sau khi nhận xong, bị cáo D điều khiển phương tiện vỏ lãi đi từ thành phố Hồng Ngự di chuyển trên sông Tiền hướng về bến đò Doi Lửa thuộc huyện C, tỉnh G.

Đến khoảng 05 giờ 50 phút ngày 17/10/2024, khi bị cáo D đi đến thủy phận sông Tiền thuộc ấp 1, xã 2, huyện E, tỉnh Đồng Tháp thì bị lực lượng Công an tỉnh Đồng Tháp phối hợp với Công an huyện E và Công an xã 2 phát hiện bắt quả tang, tiến hành kiểm đếm số lượng thuốc lá trên vỏ lãi có tổng cộng 5.590 bao thuốc lá điếu nhập lậu.

Trong quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Văn D thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với lời khai có trong hồ sơ vụ án , biên bản phạm tội quả tang và các chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 18/CT-VKS ngày 03/3/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp đã truy tố bị cáo D về tội "Vận chuyển hàng cấm" theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 191 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản nêu trên.

Trên cơ sở phân tích tính chất, mức độ, hậu quả tác hại do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, nguyên nhân, điều kiện D đến phạm tội và nhân thân của bị cáo. Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 3 Điều 191; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D từ sáu năm đến bảy năm tù; Về hình phạt bổ sung do bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập không ổn định, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên đề nghị miễn áp dụng đối với bị cáo; Về xử lý vật chứng tịch thu tiêu hủy: 5.590 bao thuốc lá điếu ngoại nhập lậu, gồm 2.550 bao nhãn hiệu HERO, 2.520 bao nhãn hiệu JET; 280 bao nhãn hiệu NETSON; 240 bao nhãn hiệu SCOTT.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 chiếc vỏ lãi composite màu xanh-trắng, trước vỏ lãi có dòng chữ TLC, chiều dài 8,1 mét, nơi rộng nhất 0.8 mét, 01 máy xăng nhãn hiệu HINOTA, không xác định được công suất, có chiều dài từ máy dến chân vịt là 3,4 mét.

Hoàn trả lại cho bị cáo D: 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, số Seri 1: 92846999; số Seri 2: 95846996, trong điện thoại có sim số thuê bao 0834.553.518, do không liên quan đến hành vi phạm tội.

Bị cáo D thừa nhận hành vi phạm tội nên không tranh luận với Kiểm sát viên.

Bị cáo D nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm về hòa nhập cộng đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Bình, của Kiểm sát viên và Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình trong quá trình điều tra truy tố là thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Văn D tại phiên tòa là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Đã đủ có cơ sở kết luận: Bị cáo Nguyễn Văn D dùng phương tiện của bị cáo để vận chuyển 5.590 bao thuốc lá điếu ngoại nhập gồm 2.550 bao nhãn hiệu HERO, 2.520 bao nhãn hiệu JET; 280 bao nhãn hiệu NETSON; 240 bao nhãn hiệu SCOTT vào ngày 17/10/2024 với giá thuê là 800.000 đồng mỗi chuyến, khi bị cáo D đi đến thủy phận sông Tiền thuộc ấp 1, xã 2, huyện E, tỉnh Đồng Tháp thì bị lực lượng Công an tỉnh Đồng Tháp phối hợp với Công an huyện Thanh Bình và Công an xã 2 phát hiện bắt quả tang,

Tại phiên tòa, bị cáo thống nhất với tội danh mà cáo trạng đã truy tố, không có ý kiến tranh luận, thừa nhận lời luận tội của Kiểm sát viên là đúng người, đúng tội, đúng với tính chất, mức độ, và hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Vận chuyển hàng cấm" theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 191 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Điểm b khoản 3 Điều 191 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định:

"*Điều 191. Tội tàng trữ, vận chuyển hàng cấm*

1. Người nào tàng trữ, vận chuyển hàng cấm thuộc một trong các trường hợp sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại các điều 232, 234, 239, 244, 246, 249, 250, 253, 254, 304, 305, 306, 309 và 311 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm…

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

a)…

b)Thuốc lá điếu nhập lậu từ 4.500 bao trở lên;

…

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm".

[3] Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, thương mại, đồng thời còn ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội. Do đó, cần áp dụng cho bị cáo một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo và cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để có điều kiện học tập, cải tạo, trở thành người tốt có ích cho xã hội, đồng thời cũng để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải. Do

đó, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[4] Về hình phạt bổ sung: Qua trình bày của bị cáo tại phiên tòa, cũng như các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, hiện nay bị cáo không có việc làm và không có thu nhập ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là tiền đối với bị cáo.

[5] Đối với 03 người đàn ông lạ thuê bị cáo D vận chuyển thuốc lá điếu nhập lậu, do không rõ nhân thân, lai lịch nên không xác minh làm việc được; các lần vận chuyển thuốc lá đều do người đàn ông trên xe khách trực tiếp tìm đến bị cáo D, không liên lạc qua điện thoại. Do đó không có căn cứ để điều tra làm rõ, khi nào làm rõ được sẽ giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với 05 lần vận chuyển thuốc lá trước khi bắt quả tang, do bị cáo D không xác định được số lượng và nhãn hiệu thuốc lá nên không đủ căn cứ để xử lý.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 5.590 bao thuốc lá điếu ngoại nhập lậu, gồm 2.550 bao nhãn hiệu HERO, 2.520 bao nhãn hiệu JET; 280 bao nhãn hiệu NETSON; 240 bao nhãn hiệu SCOTT.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 chiếc vỏ lãi composite màu xanh-trắng, trước vỏ lãi có dòng chữ TLC, chiều dài 8,1 mét, nơi rộng nhất 0.8 mét, 01 máy xăng nhãn hiệu HINOTA, không xác định được công suất, có chiều dài từ máy đến chân vịt là 3,4 mét.

Hoàn trả lại cho bị cáo D: 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, số Seri 1: 92846999; số Seri 2: 95846996, trong điện thoại có sim số thuê bao 0834.553.518, do không liên quan đến hành vi phạm tội.

[7] Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa; phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội, như đã phân tích nêu trên là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 191, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội "Vận chuyển hàng cấm".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D – 06 (Sáu) năm tù; thời hạn tù được tính kể từ ngày 17/10/2024.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 5.590 bao thuốc lá điếu ngoại nhập lậu, gồm 2.550 bao nhãn hiệu HERO, 2.520 bao nhãn hiệu JET; 280 bao nhãn hiệu NETSON; 240 bao nhãn hiệu SCOTT.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 chiếc vỏ lãi composite màu xanh-trắng, trước vỏ lãi có dòng chữ TLC, chiều dài 8,1 mét, nơi rộng nhất 0.8 mét, 01 máy xăng nhãn hiệu HINOTA, không xác định được công suất, có chiều dài từ máy đến chân vịt là 3,4 mét.

(Do cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình quản lý theo biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 04/3/2025).

Hoàn trả lại chọ bị cáo D: 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, số Seri 1: 92846999; số Seri 2: 95846996, trong điện thoại có sim số thuê bao 0834.553.518, do không liên quan đến hành vi phạm tội.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Buộc bị cáo Nguyễn Văn D phải nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 22/4/2025).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- Phòng HS NV CA tỉnh Đồng Tháp;
- Phân trại tạm giam KV Thanh Bình;
- Chi cục THADS huyện Thanh Bình;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án (Bích).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Anh Thư

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Hoàng Minh – Trần Quang Vinh	**Huỳnh Anh Thư**